



**TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

QĐR 12

**QUY ĐỊNH RIÊNG CHO CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM
SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG
THỦY SẢN - HỖN HỢP KHOÁNG (PREMIX
KHOÁNG), HỖN HỢP VITAMIN (PREMIX VITAMIN)
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT**

Chức danh	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Bích Huệ Phó trưởng phòng	Nguyễn Bích Huệ Phó trưởng phòng	Trần Thị Bưởi Phó Giám đốc
Chữ ký (và dấu của người phê duyet)			 

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	Vị trí sửa (trang, phần, mục)	Tóm tắt nội dung sửa đổi	Ngày sửa	Ký phê duyet
I		Ban hành lần 1	01/07/2020	
II		Ban hành lần 2	19/05/2021	
1	Số hiệu QĐR	Sửa đổi mã hóa QĐR: đã sửa “QĐR 012-2020” thành: “QĐR 12” theo quy định mã hóa hệ thống tài liệu trong QT 01 (phiên bản hiện hành).		
2	Tên QĐR	Sửa lại tên QĐR: cụm từ “...Hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản ...” Sửa lại thành: ”... sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản – Hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin)” theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá tổ chức chứng nhận (theo Quyết định số 114/QĐ-TCTS-KHCN&HTQT ngày 05/4/2021).		
3	Mục 2	- Sửa lại chính xác số, ký hiệu của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017. - Bổ sung QT 47, Thẩm xét hồ sơ đánh giá và phát hành tài liệu chứng nhận.		
4	Mục 3	Hiệu chỉnh lại nội dung định nghĩa thuật ngữ “mẫu điển hình”, mẫu đại diện” ghi đúng theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN, bỏ nội dung quy định “với số lượng đủ để thực hiện việc thử nghiệm và lưu mẫu theo các quy định tại QCVN” (đưa nội dung này vào phần quy định lấy mẫu).		
5	Mục 4	- Phương án lấy mẫu đối với sản phẩm nhập khẩu (4.1.2): ghi đúng Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN” - Nguyên tắc lấy mẫu (4.3.1): hiệu chỉnh nội dung ghi theo đúng phương thức 5 - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và bổ sung tham chiếu TCVN 13053:2021. - Quy định lấy mẫu thử nghiệm đối với đánh giá giám sát: ghi đúng theo phương thức 5 - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN. Quy định rõ đối với sản phẩm không đạt (4.4.3.b): Kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp với Quy chuẩn khi có ít nhất một chỉ tiêu không đạt. Sửa đổi, bổ sung phần 4.7.a và 4.7.b: - Bổ sung viện dẫn đến Biểu mẫu BM 47-10 (Giấy chứng nhận sản phẩm hợp quy), BM 46-13 (Thông báo lô hàng không phù hợp). - Đối với đánh giá chứng nhận sản phẩm theo Phương thức 1: bổ sung quy định tổ chức chứng nhận phải có thông báo cho khách hàng trong trường hợp kết quả đánh giá mẫu điển hình không đạt.		

STT	Vị trí sửa (trang, phần, mục)	Tóm tắt nội dung sửa đổi	Ngày sửa	Ký phê duyet
III		Ban hành lần 3	04/02/2025	
1	Trang bìa	- Sửa tên "Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản" thành "Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản". - Cập nhật logo của Trung tâm hiện hành đã đăng		
2	Mục 2	- Bổ sung Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 43/2019/NĐ-CP. - Bổ sung Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.		
3	Mục 4.1.1	Bổ sung cụm từ "và thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật với tần suất ít nhất 03 năm/lần/chỉ tiêu" đối với phương thức 5.		
4	Mục 4.4.2	Bổ sung cụm từ: "Chấp thuận các phương pháp thử nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc phương pháp thử nghiệm khác được chỉ định theo quy định của pháp luật"		
5	Mục 4.6	- Bổ sung Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 43/2019/NĐ-CP. - Cập nhật Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT thay thế cho Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT. - Cập nhật Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT thay thế cho Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT.		



THỦY SẢN
KIỂM ĐỊNH

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy định này đưa ra các yêu cầu riêng biệt dùng trong quá trình chứng nhận sản phẩm hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) và hỗn hợp khoáng - vitamin xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT.

2. TÀI LIỆU THAM CHIẾU

- EN 16277:2012. *Animal feeding stuffs - Determination of mercury by cold-vapour atomic absorption spectrometry (CVAAS) after microwave pressure digestion (extraction with 65 % nitric acid and 30 % hydrogen peroxide)* - Xác định thủy ngân bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hơi lạnh (CVAAS) sau khi phân hủy bằng áp lực trong lò vi sóng.
- TCVN 7924 - 2: 2008. *Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Phương pháp định lượng Escherichia coli dương tính beta-glucuronidaza. Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl beta- D-glucuronid.*
- TCVN 8126:2009. *Thực phẩm - Xác định hàm lượng chì, cadimi, kẽm, đồng và sắt - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử sau khi đã phân hủy bằng vi sóng.*
- TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009). *Thức ăn chăn nuôi - Xác định canxi, natri, phospho, magiê, kali, sắt, kẽm, đồng, mangan, coban, molybden, asen, chì và cadimi bằng phương pháp đo phổ phát xạ nguyên tử plasma cảm ứng cao tần (ICP-AES).*
- TCVN 10643:2014 (AOAC 999.11). *Thực phẩm - Xác định hàm lượng chì, cadimi, đồng, sắt và kẽm - Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử sau khi tro hóa khô.*
- TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017). *Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của salmonella - Phần 1: Phương pháp phát hiện salmonella spp.*
- TCVN ISO/IEC 17067:2015 (ISO/IEC 17067:2013). *Đánh giá sự phù hợp - Nguyên tắc cơ bản trong chứng nhận sản phẩm và hướng dẫn về chương trình chứng nhận sản phẩm.*
- TCVN 13053:2021. *Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản – Lấy mẫu*
- Luật Thủy sản năm 2017.
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá.
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 43/2019/NĐ-CP.
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
- QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Phần 2: Hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin).
- QT 46, Tiến hành đánh giá.
- HD 44-01, Xem xét đăng ký chứng nhận.

3. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI

3.1. Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) là hỗn hợp của các khoáng đơn và chất mang.

3.2. Hỗn hợp vitamin (premix vitamin) là hỗn hợp của các vitamin đơn và chất mang.

3.3. Hỗn hợp khoáng - vitamin là hỗn hợp của các khoáng đơn, vitamin đơn và chất mang.

3.4. Lô sản phẩm: Là tập hợp các sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, cùng một loại bao bì, của cùng một cơ sở được sản xuất hoặc nhập khẩu tại cùng một thời điểm, cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

3.5. Mẫu điển hình: Là mẫu đại diện cho một kiểu, loại cụ thể của sản phẩm, hàng hóa được sản xuất theo cùng một dạng thiết kế, trong cùng một điều kiện và sử dụng cùng loại nguyên vật liệu.

3.6. Mẫu đại diện: Là mẫu được lấy theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng.

4. NỘI DUNG

4.1 Quy định chung

4.1.1. Phương thức đánh giá

a) Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, đánh giá theo Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất để kết luận về sự phù hợp. Kết luận về sự phù hợp của sản phẩm hàng hóa cụ thể và phải được giám sát. Tần suất giám sát không quá 12 tháng /1 lần và thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật với tần suất ít nhất 03 năm/lần/chỉ tiêu.

Cơ sở sản xuất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản còn hiệu lực thì không phải đánh giá quá trình sản xuất.

b) Đối với sản phẩm nhập khẩu, đánh giá theo Phương thức 7 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa.

Phương thức 7 căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa được lấy theo phương pháp xác suất thống kê cho lô sản phẩm, hàng hóa để ra kết luận về sự phù hợp của lô. Kết luận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho lô sản phẩm, hàng hóa cụ thể và không cần thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

4.1.2. Phương án lấy mẫu:

a) **Đối với sản phẩm sản xuất trong nước:** Lấy mẫu điển hình cho từng loại sản phẩm cụ thể.

b) **Đối với sản phẩm nhập khẩu:** Mẫu thử nghiệm là mẫu được lấy theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng.

4.2 KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM TẠI CHỖ

Theo tiêu chuẩn chứng nhận (QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT): không có.

4.3 CHƯƠNG TRÌNH LẤY MẪU

4.3.1. Nguyên tắc lấy mẫu

a) **Đối với đánh giá theo Phương thức 5:**

- Tiến hành lấy mẫu điển hình cho sản phẩm, hàng hóa.
- Đối với đánh giá chứng nhận, sẽ lấy mẫu thử nghiệm tại nơi sản xuất; đối với đánh giá giám sát có thể lấy mẫu thử nghiệm tại nơi sản xuất hoặc mẫu lấy trên thị trường.
- Lấy mẫu theo TCVN 13053:2021.
- Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

b) **Đối với đánh giá theo Phương thức 7:**

- Mẫu thử nghiệm là mẫu được lấy theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng. Lấy mẫu theo TCVN 13053:2021.
- Số lượng mẫu phải đủ cho việc thử nghiệm và lưu mẫu.

4.3.2. Thủ tục lấy mẫu

Thủ tục lấy mẫu phải được tiến hành theo trình tự sau:

a) Thống nhất với cơ sở số lượng mẫu thử nghiệm, địa điểm lấy mẫu.

b) Xác định số lô có sẵn tại hiện trường ứng với nhóm đã chọn.

c) Lấy mẫu thử nghiệm:

- Lấy mẫu điển hình (đối với đánh giá theo Phương thức 5) theo nguyên tắc lấy mẫu được quy định tại điểm a mục 4.3.1 nêu trên.

- Lấy mẫu đại diện (đối với đánh giá theo Phương thức 7): Mỗi lô sản phẩm, hàng hóa chứng nhận phải được lấy 01 mẫu đại diện.

d) Tiến hành lập biên bản lấy mẫu có xác nhận bởi đại diện giữa hai bên theo **BM 46-10**. Khi lấy mẫu đoàn đánh giá lập biên bản lấy mẫu (02 bản), 01 bản lưu tại cơ sở được lấy mẫu, 01 bản lưu theo hồ sơ đánh giá của cơ sở.

e) Niêm phong mẫu đúng quy cách và chuyển đến phòng thử nghiệm đã được chỉ định và nhãn mẫu thực hiện theo **BM 46-11**.

4.3.3. Thời gian lấy mẫu

M
M
T
H
N
K

Tùy theo nhu cầu lấy mẫu và điều kiện cụ thể tại hiện trường. Việc xác định ngày công lấy mẫu theo quy định trong 4.1.3 của HD 44-01.

4.4 THỬ NGHIỆM MẪU VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

4.4.1. Thử nghiệm mẫu

Chủng loại sản phẩm ⁽¹⁾	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị tính	Mức yêu cầu (giới hạn tối đa cho phép)
Hỗn hợp khoáng (premix khoáng)	Asen (As)	mg/kg (lít)	12
	Chì (Pb)	mg/kg (lít)	15
	Cadimi (Cd)	mg/kg (lít)	5
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (lít)	0,2
Hỗn hợp vitamin (Premix vitamin)	<i>Salmonella</i>	cfu/25g (ml)	Không phát hiện
	<i>E coli</i>	cfu/g (ml)	10 ³
Hỗn hợp khoáng - vitamin	Asen (As)	mg/kg (lít)	12
	Chì (Pb)	mg/kg (lít)	15
	Cadimi (Cd)	mg/kg (lít)	5
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (lít)	0,2
	<i>Salmonella</i>	cfu/25g (ml)	Không phát hiện
	<i>E. coli</i>	cfu/g (ml)	10 ³

Sai số cho phép trong phân tích chất lượng sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

4.4.2. Phương pháp thử

STT	Chỉ tiêu xác định	Phương pháp thử ^(*)
1	Asen (As)	TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009)
2	Cadimi (Cd), Chì (Pb)	TCVN 10643:2014, TCVN 9588:2013 (ISO 27085:2009), TCVN 8126:2009
3	Thủy ngân (Hg)	EN 16277:2012.
4	<i>Salmonella</i>	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
5	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008.

(*) Chấp thuận các phương pháp thử nghiệm đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc phương pháp thử nghiệm khác được chỉ định theo quy định của pháp luật.

4.4.3. Đánh giá kết quả thử nghiệm

a) Kết quả thử nghiệm mẫu phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT khi kết quả thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu của mẫu thử nghiệm được thực hiện đúng phương pháp quy định trong phần 4.4.2 và đều đạt so với mức yêu cầu quy định trong phần 4.4.1.

b) Điều kiện lấy mẫu thử nghiệm lại hoặc thử lại mẫu lưu khi có chỉ tiêu không đạt yêu cầu: Trường hợp kết quả thử nghiệm có (các) chỉ tiêu chưa phù hợp, được phép thử nghiệm lại mẫu lưu đối với (các) chỉ tiêu không đạt hoặc lấy mẫu lại để thử nghiệm lại (các) chỉ tiêu đó.

Kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT khi có ít nhất một chỉ tiêu không đạt so với mức yêu cầu quy định trong phần 4.4.1.

4.5. Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp (theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản 2017; khoản 1 Điều 28 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) còn giá trị hiệu lực khi xem xét chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5. Trường hợp tại thời điểm đánh giá Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản chưa có hoặc không còn giá trị hiệu lực, Trung tâm sẽ yêu cầu cơ sở phải có hành động khắc phục (bổ sung Giấy chứng nhận) được Trung tâm thẩm tra và chấp nhận trước khi ra quyết định chứng nhận.

4.6. Yêu cầu của luật định

Các chỉ tiêu/đặc tính kiểm tra, yêu cầu và chuẩn mực chấp nhận của các chỉ tiêu/đặc tính đó:

STT	Chỉ tiêu/ Đặc tính	Yêu cầu	Chuẩn mực chấp nhận
1	Tiêu chuẩn công bố áp dụng	- Thông tin chính trong tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022. - Chỉ tiêu kỹ thuật phải công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng theo Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	Đáp ứng đúng yêu cầu.
2	Nhãn	- Nhãn hàng hóa theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021. - Các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 và các chỉ	Đáp ứng đúng yêu cầu.

		tiêu kỹ thuật phải công bố trên nhãn theo quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022.	
--	--	--	--

4.7. Chứng nhận, duy trì chứng nhận và chứng nhận lại

a) Sản phẩm sản xuất trong nước sẽ được chứng nhận khi và chỉ khi cơ sở duy trì đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản phù hợp yêu cầu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp (theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật thủy sản 2017; khoản 1 Điều 28 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) và kết quả thử nghiệm mẫu đạt yêu cầu đã nêu trong phần **4.4.3**. Sản phẩm nhập khẩu sẽ được chứng nhận khi kết quả đánh giá mẫu đại diện phù hợp với QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT.

b) Sản phẩm phù hợp sẽ được cấp Giấy chứng nhận phù hợp QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT theo **BM 47-10** được quy định trong **QT 47**.

- **Đối với đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 7**, Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho lô sản phẩm, hàng hóa được lấy mẫu thử nghiệm. Trong trường hợp kết quả đánh giá mẫu đại diện không phù hợp quy định tại QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT, tổ chức chứng nhận cấp văn bản thông báo lô hàng không phù hợp với QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT cho khách hàng theo **BM 46-13**, đồng thời thông báo về cơ quan chức năng liên quan để có biện pháp quản lý kịp thời. Trong văn bản thông báo phải liệt kê danh sách các loại sản phẩm nhập khẩu phù hợp cũng như không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT.

- **Đối với đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 5**, Giấy chứng nhận có giá trị hiệu lực trong thời hạn 3 năm. Trong thời gian đó, Trung tâm 3K sẽ tiến hành đánh giá giám sát. Tần suất giám sát không quá 12 tháng/lần.

Trường hợp kết quả đánh giá mẫu điển hình không đạt, tổ chức chứng nhận cấp văn bản thông báo sản phẩm không phù hợp với QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT và nêu rõ lý do cho khách hàng theo **BM 46-13** để có hành động khắc phục và lấy mẫu lại để thử nghiệm đối với (các) chỉ tiêu không đạt.

c) Hết chu kỳ chứng nhận, Trung tâm 3K sẽ tiến hành đánh giá chứng nhận lại theo yêu cầu của Quy định này và các thủ tục có liên quan.